

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi
của dự án Trạm bơm Chà Rang, xã Bình Thuận**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 67/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Quyết định số 64/2020/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của UBND tỉnh Ban hành Quy định phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Định

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Văn bản số 1551/SNN-QLXDCT ngày 29/6/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân cấp quản lý, khai thác các hạng mục của dự án Trạm bơm Chà Rang, xã Bình Thuận với các nội dung chủ yếu sau:

1. Chủ sở hữu là UBND tỉnh Bình Định; chủ quản lý là Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định được giao làm chủ thể khai thác gồm: Trạm bơm; tuyến kênh chính; hệ thống điện đường dây và trạm biến áp.

2. Chủ sở hữu là UBND huyện Tây Sơn: Tuyến kênh nhánh N2, N4, N6, N8, N10; đường quản lý vận hành.

Điều 2. Phê duyệt danh mục 14 điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi giữa Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định và tổ chức thủy lợi cơ sở của dự án Trạm bơm Chà Rang, xã Bình Thuận. *(có phụ lục kèm theo)*

Điều 3. Giao Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với UBND huyện Tây Sơn, Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định thực hiện việc bàn giao, tiếp nhận các hạng mục công trình nêu trên theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước để sớm phát huy hiệu quả dự án.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định, Chủ tịch UBND huyện Tây Sơn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVP NN;
- Lưu: VT, K10.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục I
DANH MỤC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH CỦA DỰ ÁN TRẠM BƠM CHÀ RANG
BÀN GIAO CHO CÁC ĐƠN VỊ QUẢN LÝ, KHAI THÁC

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND
ngày / /2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Hạng mục	Quy mô		Tọa độ đầu kênh (m)		Đơn vị quản lý, khai thác	
		Chiều dài (m)	Kích thước (b x h) (cm)	X	Y		
1	Trạm bơm	-	-	-	-	Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định	
2	Tuyến kênh chính HDPE	2.248	-	-	-		
3	Hệ thống điện đường dây và trạm biến áp	-	-	-	-		
4	Tuyến kênh nhánh	N2	448	-	1.546.103,61	582.373,14	UBND huyện Tây Sơn
		N4	115	30x30	1.545.579,07	582.468,94	
		N6	336	30x30	1.545.504,48	582.285,19	
		N8	372	30x30	1.545.628,40	581.938,42	
		N10	268	30x30	1.545.750,22	581.785,93	
5	Đường quản lý vận hành	586	-	-	-		

Phụ lục II
DANH MỤC ĐIỂM GIAO NHẬN SẢN PHẨM, DỊCH VỤ THỦY LỢI
GIỮA CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI BÌNH ĐỊNH
VÀ TỔ CHỨC THỦY LỢI CƠ SỞ
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND
ngày / /2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên kênh/ hồ van chia nước	Tọa độ (m)		Vị trí điểm giao nhận	Diện tích (ha)
		X	Y		
1	Hồ van chia nước số 1	1.546.408,74	582.628,14	K0+133,3	1,5
2	Hồ van chia nước số 2	1.546.223,17	582.501,50	K0+338,4	0,5
3	Hồ van chia nước số 3	1.546.206,49	582.504,77	K0+356,6	0,8
4	Hồ van chia nước số 4 (Kênh N2)	1.546.059,00	582.443,49	K0+512,7	10
5	Hồ van chia nước số 5	1.546.048,59	582.464,56	K0+517	3
6	Hồ van chia nước số 6	1.546.030,86	582.500,41	K0+619,4	2,5
7	Hồ van chia nước số 7	1.545.956,15	582.556,71	K0+755,9	2,5
8	Hồ van chia nước số 8	1.545.819,07	582.627,38	K0+912	3,3
9	Hồ van chia nước số 9	1.545.664,90	582.660,61	K1+066,4	4,4
10	Hồ van chia nước số 10 (Kênh N4)	1.545.579,08	582.468,94	K1+287	5
11	Hồ van chia nước số 11 (Kênh N6)	1.545.504,48	582.285,19	K1+500	5
12	Hồ van chia nước số 12	1.545.482,04	582026,08	K1+865	1,5
13	Hồ van chia nước số 13 (Kênh N8)	1.545.628,40	581.938,42	K2+048	5
14	Hồ van chia nước số 14 (Kênh 10)	1.545.750,22	581.785,93	K2+248	5
Tổng cộng					50